

Số 374/QĐ-CDHHI

Hải Phòng, ngày 20 tháng 05 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai điều chỉnh Dự toán thu chi NSNN năm 2024**  
**của Trường Cao đẳng Hàng hải I**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI I**

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số: 516/QĐ-BGTVT ngày 12/03/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Hàng hải I;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-BGTVT ngày 21/12/2023 của Bộ Giao thông Vận tải về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn phí, lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ Giao thông Vận tải về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-BGTVT ngày 09/05/2024 của Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề;

Xét đề nghị của bà Phụ trách kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh số liệu dự toán thu chi NSNN năm 2024 của Trường Cao đẳng Hàng hải I (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Lưu Việt Hùng**

Đơn vị: Trường Cao đẳng Hàng hải I

Chương: 021

Biểu số 2 -

Ban hành kèm theo Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09  
năm 2018 của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- CĐHHI ngày 20 tháng 05 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hàng hải I)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                                                  | Dự toán được giao đầu năm | Dự toán điều chỉnh | Tổng dự toán được giao lũy kế |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1          | 2                                                                         | 3                         | 4                  | 5=3+4                         |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                        |                           |                    |                               |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                 | <b>89,0</b>               | <b>-</b>           | <b>89,0</b>                   |
| 1          | Lệ phí                                                                    |                           |                    |                               |
| 2          | Phí                                                                       | <b>89,0</b>               | <b>-</b>           | <b>89,0</b>                   |
|            | Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng | <b>89,0</b>               | <b>-</b>           | <b>89,0</b>                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                   | <b>80,1</b>               | <b>-</b>           | <b>80,1</b>                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo</b>                                  | <b>80,1</b>               | <b>-</b>           | <b>80,1</b>                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                            | <b>-</b>                  | <b>-</b>           | <b>-</b>                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                      | <b>80,1</b>               | <b>-</b>           | <b>80,1</b>                   |
|            | Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng | <b>80,1</b>               | <b>-</b>           | <b>80,1</b>                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                             | <b>-</b>                  | <b>-</b>           | <b>-</b>                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                              | <b>8,9</b>                | <b>-</b>           | <b>8,9</b>                    |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                                             | <b>-</b>                  | <b>-</b>           | <b>-</b>                      |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                | <b>8,9</b>                | <b>-</b>           | <b>8,9</b>                    |
|            | Phí sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng | <b>8,9</b>                | <b>-</b>           | <b>8,9</b>                    |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                     | <b>39.477,4</b>           | <b>-</b>           | <b>38.712,4</b>               |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                         | <b>39.477,4</b>           | <b>-</b>           | <b>38.712,4</b>               |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                        | <b>39.477,4</b>           | <b>-</b>           | <b>38.712,4</b>               |
| 1.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                            | 13.334,5                  | -                  | 13.334,5                      |
| 1.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                      | 26.142,9                  | -                  | 25.377,9                      |
| 1.2.1      | Mua sắm, sửa chữa                                                         | 9.915,0                   | -                  | 9.150,0                       |
| -          | Sửa chữa lớn nhà lớp học 4 tầng tại Đồng Hòa, Kiến An                     | 6.750,0                   | -                  | 6.750,0                       |
| -          | Sửa chữa Nhà xưởng 4 tầng (C3)                                            | 2.400,0                   | -                  | 2.400,0                       |
| -          | Mua sắm thiết bị phòng thực hành động cơ ô tô nghề Công nghệ ô tô         | 765,0                     | - 765,0            | -                             |
| 1.2.2      | Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo NĐ 81/2021/NĐ-CP                | 16.227,9                  |                    | 16.227,9                      |

| Số TT | Nội dung                       | Dự toán được giao đầu năm | Dự toán điều chỉnh | Tổng dự toán được giao lũy kế |
|-------|--------------------------------|---------------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1     | 2                              | 3                         | 4                  | 5=3+4                         |
| 2     | Chi hoạt động kinh tế          | -                         |                    |                               |
| 2.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | -                         |                    |                               |
| 2.2   | Kinh phí không thường xuyên    | -                         |                    |                               |
| II    | Nguồn vốn viện trợ             | -                         |                    |                               |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài        | -                         |                    |                               |

4



Số 1707 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/08/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1129a/QĐ-BGTVT ngày 08/09/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024;

Xét đề nghị của các đơn vị và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

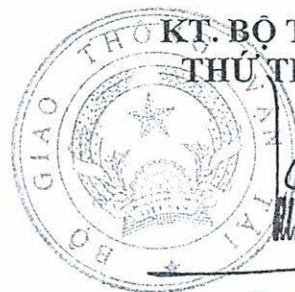
**Điều 1.** Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, chi tiết như phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng: Vụ Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Kho Bạc NN nơi đơn vị giao dịch;  
(gửi qua đơn vị nhận dự toán)
- Tpublic Bộ GTVT (để công khai);
- Lưu VT, TC (Bông)



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Duy Lâm**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(theo Quyết định số 1707/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

**Đơn vị: Trường Cao đẳng Hàng hải I**

**Mã số NS: 1059285 Kho bạc: 0061**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| TT | Nội dung                                                                   | Kinh phí   |
|----|----------------------------------------------------------------------------|------------|
|    | <b>CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>                                              |            |
|    | Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề                               | 39.477.378 |
|    | Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng (070-093)                           | 39.477.378 |
| -  | Kinh phí thường xuyên (*)                                                  | 13.334.478 |
| -  | Kinh phí không thường xuyên                                                | 26.142.900 |
|    | Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên | 16.227.900 |
|    | Sửa chữa Nhà lớp học 4 tầng tại Đồng Hòa, Kiến An                          | 6.750.000  |
|    | Sửa chữa Nhà xưởng 4 tầng (C3)                                             | 2.400.000  |
|    | Mua sắm thiết bị phòng thực hành động cơ ô tô nghề Công nghệ ô tô          | 765.000    |

**Ghi chú:**

|                                                            |             |
|------------------------------------------------------------|-------------|
| (*) Chi thường xuyên, trong đó:                            | 13.334.478  |
| - Mức chi năm 2023 (cả bổ sung nguồn cải cách tiền lương)  | 12.770.000  |
| - Giảm chi chỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước 3%      | (383.000)   |
| - Tăng chi thường xuyên năm 2024 do điều chỉnh lương cơ sở | 4.124.892   |
| - Khả năng tự cân đối của đơn vị                           | (3.177.414) |

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số 534 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 - nguồn chi  
sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/08/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định 1707/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ GTVT về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 4359/BTC-HCSN ngày 26/4/2024;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024, nguồn chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, chi tiết như phụ lục kèm theo.



**THÔNG**  
**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 534/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 05 năm 2024 của Bộ GTVT)  
Đơn vị: Trường Cao đẳng Hàng hải I  
Mã số NS: 1059285 Kho bạc: 0061

Đơn vị tính: nghìn đồng

| TT | Nội dung                                                                                        | Dự toán đã giao | Dự toán điều chỉnh | Kinh phí chờ hướng dẫn và giải trình (bao gồm 5% tiết kiệm) |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-------------------------------------------------------------|
|    | Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng (070-093) | 39.477.378      | 38.712.378         | 765.000                                                     |
| 1  | Chi TX giao Tự chủ                                                                              | 13.334.478      | 13.334.478         |                                                             |
|    | Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên                                                      | 13.334.478      | 13.334.478         |                                                             |
| 2  | Chi TX không giao Tự chủ                                                                        | 26.142.900      | 25.377.900         | 765.000                                                     |
|    | Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên                      | 16.227.900      | 16.227.900         |                                                             |
|    | Sửa chữa Nhà lớp học 4 tầng tại Đồng Hòa, Kiên An                                               | 6.750.000       | 6.750.000          |                                                             |
|    | Sửa chữa Nhà xưởng 4 tầng (C3)                                                                  | 2.400.000       | 2.400.000          |                                                             |
|    | Mua sắm thiết bị phòng thực hành động cơ ô tô nghề Công II                                      | 765.000         |                    | 765.000                                                     |

Ghi chú: đối với kinh phí chờ hướng dẫn và giải trình (Bao gồm 5% tiết kiệm), đơn vị thực hiện sau khi có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và Quyết định điều chỉnh của Bộ GTVT.